

Số: 43 /2026/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội ban hành phê duyệt
chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới,
giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;*

*Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban
hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 518/TTr-
SNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định Bộ tiêu chí về nông thôn
mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Bộ tiêu chí về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nhằm cụ thể hóa các tiêu chí, nội dung tiêu chí theo quy định tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các thôn trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Bộ tiêu chí về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, gồm:

- a) Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 (tại Phụ lục I);
- b) Bộ tiêu chí thí điểm về xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 (tại Phụ lục II);
- c) Quy định về xây dựng nông thôn mới ở phường và đặc khu giai đoạn 2026 - 2030 (tại Phụ lục III);
- d) Bộ tiêu chí về thôn, bon, buôn, bản (gọi chung là thôn) nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 (tại Phụ lục IV).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao; các văn bản, Thông tư hướng dẫn, quy định của các Bộ, ngành để tổ chức hướng dẫn, triển khai, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện các tiêu chí theo chức năng quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực phụ trách.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh)

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan đôn đốc các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các Bộ tiêu chí theo quy định. Định kỳ 6 tháng và hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

b) Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và quy định của Trung ương;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu, triển khai thực hiện quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt nông thôn mới hiện đại và phường, đặc khu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Căn cứ Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí thí điểm về xã nông thôn mới hiện đại, Bộ tiêu chí về xây dựng nông thôn mới ở phường và đặc khu giai đoạn 2026 - 2030 tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng để triển khai thực hiện theo quy định;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các thôn trên địa bàn tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí về thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Định kỳ 6 tháng và hằng năm

báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo quy định.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chánh văn phòng Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Trung ương các CTMTQG;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình MTQG - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (ĐVT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên



(Ban hành Kèm theo Quyết định số 45 /2026/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Lâm Đồng)

**BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Gồm 10 tiêu chí với 47 nội dung tiêu chí sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt (Quy hoạch phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện bố trí ổn định dân cư (áp dụng đối với xã có nhu cầu cần bố trí, sắp xếp ổn định cho các đối tượng thuộc các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; hình thức bố trí: tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ), được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	Sở Xây dựng
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	Sở Xây dựng

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	2	3	4	5	6	7	8
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Xây dựng
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Tốt (Đảm bảo tất cả các yêu cầu bắt buộc và kết quả chấm điểm đạt từ 85 điểm trở lên theo quy định)	Khá (Đảm bảo tất cả các yêu cầu bắt buộc và kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm theo quy định)	Đạt (Đảm bảo tất cả các yêu cầu bắt buộc và kết quả chấm điểm đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm theo quy định)	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	$\geq 99\%$	$\geq 99\%$	$\geq 98\%$	Sở Công thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	2	3	4	5	6	7	8
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Công thương
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm	12%	10%	9,5%	Thống kê tỉnh
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥01 mô hình	Có ít nhất 03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Có ít nhất 02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Có ít nhất 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn phù hợp điều kiện thực tế của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	2	3	4	5	6	7	8
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥ 01	Không quy định	≥ 01	≥ 01	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$	Hội Nông dân tỉnh
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥ 01	≥ 01	≥ 01	≥ 01	- Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Sở Công thương; - Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	2	3	4	5	6	7	8
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 27\%$	$\geq 40\%$	$\geq 35\%$	$\geq 27\%$	Sở Nội vụ
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	60%	50%	40%	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 2\%$	$\leq 2\%$	$\leq 5\%$	$\leq 13\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	$\geq 75\%$	$\geq 95\%$	$\geq 85\%$	$\geq 75\%$	Sở Xây dựng
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	$\geq 80\%$ (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy $\geq 70\%$)	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 70\%$ (trong đó $\geq 40\%$)	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 40\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	2	3	4	5	6	7	8
				chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	(bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ gia đình và công trình cấp nước tập trung (nếu có)	
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an (an toàn - an tâm - an sinh)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm			Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	2	3	4	5	6	7	8
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	Sở Công thương
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥01 mô hình	≥01 mô hình	≥01 mô hình	Không quy định	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (bao gồm cả cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản), làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Xây dựng

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	2	3	4	5	6	7	8
		lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường					
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan.
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả; tỷ lệ hồ sơ TTHC được thực hiện trực tuyến của DVCTT toàn trình đạt $\geq 90\%$	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh)
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Công an tỉnh
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Công an tỉnh

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	2	3	4	5	6	7	8
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh



Phụ lục B
BỘ TIÊU CHÍ THÍ ĐIỂM VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo quy định đối với xã nhóm 1 thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng).

2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới hiện đại phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nhóm 1 trên địa bàn tỉnh tại cùng thời điểm.

3. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại sau (6 tiêu chí với 38 nội dung tiêu chí):

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
1	Hạ tầng số và năng lượng	1.1. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường hoặc có ứng dụng công nghệ số (drone, IoT...)	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		1.2. Sản phẩm chủ lực có giao dịch thương mại điện tử	$\geq 50\%$	Sở Công thương
		1.3. Hồ sơ xử lý trực tuyến	$\geq 90\%$	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh)
		1.4. Tỷ lệ tuyến đường có điện chiếu sáng công cộng.	$\geq 70\%$	Sở Xây dựng
		1.5. Có cơ sở dữ liệu số cấp xã.	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
2	Kinh tế nông thôn thông minh	1.6. Kết nối hệ thống dữ liệu (IOC) cấp tỉnh.	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
		1.7. Công khai dữ liệu ngân sách, quy hoạch.	Đạt	Sở Tài chính
		1.8. Phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận qua nền tảng số.	$\geq 50\%$	Sở Khoa học và Công nghệ
		2.1. Có mô hình nông nghiệp thông minh hoạt động hiệu quả.	≥ 03	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.2. Tỷ lệ HTX trên địa bàn hoạt động hiệu quả ($\geq 70\%$ HTX xếp loại khá trở lên theo tiêu chí quốc gia, $\geq 30\%$ HTX ứng dụng chuyển đổi số).	Đạt	Sở Tài chính
		2.3. Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên hoặc có sản phẩm OCOP tham gia xuất khẩu.	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.4. Chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ bền vững.	≥ 03	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.5. Sản phẩm nông sản chủ lực có truy xuất nguồn gốc.	$\geq 80\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.6. Hộ sản xuất tham gia kinh tế số hoặc thương mại điện tử.	$\geq 30\%$	Sở Công thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
		2.7. Có mô hình du lịch nông thôn hoạt động hiệu quả.	≥ 01	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	An sinh xã hội và nguồn nhân lực	3.1. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố.	$\geq 95\%$	Sở Xây dựng
		3.2. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.	90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.3. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”.	$\geq 90\%$	Hội Liên hiệp phụ nữ
		3.4. Có kế hoạch và mô hình triển khai bình đẳng giới (được cấp có thẩm quyền xác nhận).	Đạt	Sở Nội vụ
		3.5. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quản lý, hỗ trợ.	100%	Sở Y tế
		3.6. Cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt yêu cầu ATTP.	$\geq 98\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.7. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 50\%$	Sở Nội vụ
		3.8. Không còn hộ nghèo theo chuẩn đa chiều (trừ bảo trợ).	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.9. Trạm y tế có hồ sơ sức khỏe điện tử.	Đạt	Sở Y tế
		3.10. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung	$\geq 65\%$	Sở Giáo dục và Đào

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
		học phổ thông.		tạo
4	Văn hóa và môi trường sống	4.1. Xây dựng môi trường văn hóa số an toàn, lành mạnh, ứng xử văn minh.	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		4.2. Có ít nhất 01 hoạt động/ mô hình bảo tồn văn hóa truyền thống được duy trì hàng năm.	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		4.3. Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (nhà văn hóa, khu thể thao) hoạt động hiệu quả; Tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, lễ hội truyền thống lành mạnh.	100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		4.4. Thực hiện hương ước, quy ước cộng đồng; xây dựng gia đình văn hóa, thôn/bản văn hóa.	$\geq 90\%$	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Môi trường và cảnh quan	5.1. Số km đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn các khu vực công cộng trồng cây xanh.	$\geq 75\%$	Sở Xây dựng
		5.2. Tỷ lệ hộ trong khu dân cư có hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đạt chuẩn (<i>các hộ còn lại có biện pháp xử lý phù hợp</i>).	$\geq 70\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
		5.3. Đường trục thôn, liên thôn được trồng hoa hoặc cây cảnh; hộ gia đình thực hiện chỉnh trang nhà ở, cải tạo vườn tạp.	Đạt	Sở Xây dựng
		5.4. Có hệ thống thoát nước được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân theo quy định; khu vực, công trình công cộng có nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích, cần được cảnh báo và thực hiện các biện pháp quản lý.	Đạt	Sở Xây dựng
		5.5. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón và không còn tình trạng xả thải trực tiếp nước thải chăn nuôi ra hệ thống kênh mương tự nhiên (có công trình xử lý đạt chuẩn).	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.6. Tỷ lệ hộ phân loại rác tại nguồn; có mô hình kinh tế tuần hoàn.	$\geq 80\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.7. Cơ sở trên địa bàn được kiểm tra và đạt yêu cầu môi trường.	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	An ninh, trật tự	6.1. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an	Đạt	Công an tỉnh

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
		ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động, không phát sinh điểm nóng kéo dài. <i>(≥80% tuyến đường chính có camera giám sát và kết nối về hệ thống IOC cấp tỉnh).</i>		
		6.2. Lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.	Đạt	Công an tỉnh



Phụ lục III

**QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở PHƯỜNG, ĐẶC KHU
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TỈNH LÂM ĐỒNG**

1. Đối tượng áp dụng: Các phường được hình thành từ việc sắp xếp với đơn vị hành chính xã và có diện tích đất nông nghiệp chiếm từ 70% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên của phường tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 và đặc khu Phú Quý.

2. Nội dung thực hiện: Áp dụng thực hiện theo yêu cầu đối với xã nhóm 1 thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tại Phụ lục I *(phải đảm bảo đáp ứng từ 70% trở lên số nội dung tiêu chí, trong đó có các nội dung tiêu chí: Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người; có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương; có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương; tỷ lệ nghèo đa chiều; tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; đảm bảo an toàn thực phẩm).*



Phụ lục IV
BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

Gồm 6 tiêu chí với 22 nội dung tiêu chí sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng thôn			Cơ quan chủ trì, hướng dẫn
				Thôn thuộc xã nhóm 1	Thôn thuộc xã nhóm 2	Thôn thuộc xã nhóm 3	
1	Hạ tầng kinh tế - xã hội	1.1. Đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa, đi lại thuận tiện quanh năm. Tỷ lệ km đường thôn được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$ và $\geq 70\%$ có rãnh thoát nước; $\geq 70\%$ tuyến đường có điện chiếu sáng.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Xây dựng
		1.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.	$\geq 98\%$	$\geq 99\%$	$\geq 99\%$	$\geq 98\%$	Sở Công Thương
		1.3. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đảm bảo phục vụ người dân trong thôn.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Kinh tế và sinh kế	2.1. Có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hoặc ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥ 01 mô hình	≥ 01	≥ 01	≥ 01	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.2. Có tham gia liên kết sản xuất và thực hiện kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP hoặc sản phẩm đặc trưng địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng thôn			Cơ quan chủ trì, hướng dẫn
				Thôn thuộc xã nhóm 1	Thôn thuộc xã nhóm 2	Thôn thuộc xã nhóm 3	
1	2	3	4	5	6	7	8
		2.3. Có giải pháp tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân trong thôn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		2.4. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	$\geq 75\%$	$\geq 95\%$	$\geq 85\%$	$\geq 75\%$	Sở Xây dựng
		2.5. Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 2\%$	$\leq 2\%$	$\leq 5\%$	$\leq 13\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Văn hóa, giáo dục và y tế	3.1. Thực hiện tốt quy ước, hương ước; giữ gìn bản sắc văn hóa, đoàn kết cộng đồng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		3.2 Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”	$\geq 90\%$	$\geq 95\%$	$\geq 92\%$	$\geq 90\%$	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		3.3. Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường; thực hiện tốt công tác khuyến học, khuyến tài	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		3.4. Người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, y tế dự phòng, an sinh xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
4	Chuyển đổi số	4.1. Có tổ công nghệ số cộng đồng hoặc hình thức hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
		4.2. Người dân tiếp cận thông tin, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số ở mức phù hợp	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
		4.3. Có ít nhất 01 sản phẩm của thôn được quảng bá qua mạng xã hội hoặc sàn thương mại điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Công Thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng thôn			Cơ quan chủ trì, hướng dẫn
				Thôn thuộc xã nhóm 1	Thôn thuộc xã nhóm 2	Thôn thuộc xã nhóm 3	
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Môi trường và cảnh quan nông thôn	5.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.4. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 40\%$	$\geq 80\%$	$\geq 70\%$	$\geq 40\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Xây dựng hệ thống chính trị và An ninh, Quốc phòng	6.1. Chi bộ thôn và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		6.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Công an tỉnh
		6.3. Hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh